BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2026/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung về chế độ báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về chế độ báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa được triển khai thí điểm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy định tại Điều 1 Thông tư này, bao gồm:

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

2. Tổ chức phát hành tài sản mã hóa.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư tài sản mã hóa và hoạt động trên thị trường tài sản mã hóa.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích một số thuật ngữ

Tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công nghệ chuỗi khối (Blockchain): là hệ thống cơ sở dữ liệu phân tán cho phép ghi nhận, lưu trữ và truyền tải dữ liệu dưới dạng các khối thông tin được liên kết tuần tự theo thời gian, sử dụng kỹ thuật mật mã để bảo đảm tính toàn vẹn của dữ liệu; việc xác thực và đồng thuận dữ liệu được thực hiện bởi mạng lưới các nút (node) tham gia theo một cơ chế đồng thuận xác định, không phụ thuộc vào một bên trung gian duy nhất.

2. Ví nóng (hot wallet) là loại ví tài sản mã hóa trong đó khóa mật mã được lưu trữ và sử dụng trên hệ thống có kết nối mạng internet, phục vụ giao dịch tức thời.

3. Ví lạnh (cold wallet) là loại ví tài sản mã hóa trong đó khóa mật mã được tạo lập và lưu trữ trên thiết bị hoặc môi trường không kết nối thường ngày Internet.

4. Ví vận hành (operational wallet) là ví tài sản mã hóa do tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thiết lập và kiểm soát, được sử dụng để thực hiện các giao dịch phục vụ hoạt động vận hành hệ thống.

5. Nút mạng lưới (node) là phần mềm trên mạng lưới blockchain cho phép thông tin giữa các mạng lưới blockchain kết nối với nhau để lưu trữ, chia sẻ thông tin, xác thực dữ liệu giữa các mạng lưới blockchain.

Điều 4. Nguyên tắc báo cáo, công bố thông tin trên thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Đối tượng báo cáo, công bố thông tin trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ, không gây hiểu nhầm của thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

3. Đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin công bố phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử và truy cập được (nếu có) của đối công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

4. Các đối tượng công bố thông tin là tổ chức khi thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo hướng dẫn tại Thông tư này phải thực hiện công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định pháp luật. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Điều 5. Phương thức thực hiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm: Trang thông tin điện tử (website) của doanh nghiệp; hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) là đơn vị thuộc Bộ Tài chính thực hiện tiếp nhận báo cáo, thông tin công bố từ tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa. Cách thức công bố thông tin, báo cáo, chuyển dữ liệu báo cáo trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 7. Công bố thông tin về việc cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Sau khi được Bộ Tài chính cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải thực hiện công bố thông tin về việc cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Khi bị Bộ Tài chính thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện công bố thông tin về việc chấm dứt mọi hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

3. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa về loại tài sản mã hóa đưa vào giao dịch tối thiểu 07 ngày trước ngày chính thức đưa vào giao dịch tài sản mã hóa này.

4. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có nghĩa vụ công bố các thông tin khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan khác.

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ về cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Báo cáo tài chính của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa được lập theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa là công ty mẹ thì tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính của Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong lĩnh vực chứng khoán theo quy định của pháp luật về kiểm toán.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường về cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Trong vòng 24 giờ kể từ khi có ý kiến của Bộ Tài chính về việc sửa đổi các quy trình quy định tại điểm b, c, d, g, k khoản 6 Điều 8 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình về việc sửa đổi các quy trình này.

2. Trong vòng 24 giờ kể từ khi phát sinh các sự kiện quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin bất thường trên trang thông tin điện tử của mình và 01 tờ báo điện tử.

3. Trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Bộ Tài chính, Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của mình, 01 tờ báo điện tử và báo cáo về UBCKNN các thông tin được công bố theo yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

Điều 10. Công bố thông tin về giao dịch tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Trong giờ giao dịch, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin trên trang thông tin điện của của mình các thông tin sau:

a) Tổng số loại tài sản mã hóa được giao dịch;

b) Giá tài sản mã hóa thực hiện và khối lượng thực hiện của giao dịch gần nhất, giá giao dịch cao nhất trong phiên, giá giao dịch thấp nhất trong phiên, mức và ký hiệu biến động giá của từng loại tài sản mã hóa, giá bình quân của tài sản mã hóa;

c) Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất của từng loại tài sản mã hóa kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó;

d) Giao dịch tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài.

2. Chậm nhất vào 9 giờ 00 phút của ngày giao dịch, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải công bố thông tin về giao dịch tài sản mã hóa phát sinh từ 0h đến 24h của ngày giao dịch liền trước như sau:

a) Tổng số loại tài sản mã hóa được phép giao dịch trong ngày;

b) Mức độ dao động giá tài sản mã hóa trong ngày giao dịch;

c) Số lượng lệnh, khối lượng đặt mua, bán và giá trị tương ứng với mỗi loại tài sản mã hóa;

d) Giá, khối lượng và giá trị giao dịch của từng loại tài sản mã hóa, bao gồm giao dịch khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin của tổ chức phát hành tài sản mã hóa

Tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải công bố thông tin trên trang thông tin điện của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành như sau:

1. Tối thiểu 15 ngày trước khi thực hiện chào bán, phát hành tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải công bố thông tin về Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP.

2. Sau khi công bố thông tin về Bản cáo bạch chào bán tài sản mã hóa, trường hợp sửa đổi, bổ sung thông tin tại Bản cáo bạch, tổ chức phát hành phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành về thông tin sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 03 ngày.

3. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán tài sản mã hóa, tổ chức phát hành thực hiện công bố thông tin về thông báo kết quả chào bán tài sản mã hóa theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp quyết định thay đổi các điều kiện, đặc điểm của tài sản mã hóa đã được phát hành, trong vòng 24 giờ, tổ chức phát hành phải công bố thông tin về quyết định thay đổi trên trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành.

5. Định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành tài sản mã hóa, tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải công bố thông tin về việc thực hiện các cam kết (nếu có) đối với các nhà đầu tư được nêu tại Bản cáo bạch phát hành tài sản mã hóa.

6. Thực hiện công bố thông tin khác theo cam kết nêu trong bản cáo bạch (nếu có).

CHƯƠNG III
HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO TRÊN THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 12. Báo cáo nội dung liên quan đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải đồng thời gửi các báo cáo tài chính về UBCKNN khi thực hiện công bố thông tin về các báo cáo tài chính theo khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

2. Chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa gửi UBCKNN báo cáo về danh sách cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức được lập vào ngày 01 của tháng đó theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày có thay đổi nhân sự làm việc tại bộ phận công nghệ hoặc nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo về việc thay đổi nhân sự.

4. Chậm nhất vào ngày 10/01 hàng năm, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa gửi UBCKNN báo cáo về tình hình nhân sự làm việc tại bộ phận công nghệ và nhân sự có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại bộ phận nghiệp vụ khác tại ngày 31/12 của năm trước đó theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn tối thiểu 15 ngày trước ngày thực hiện tăng/giảm vốn điều lệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền của công ty, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo về quyết định thông qua phương án tăng/giảm vốn điều lệ.

Điều 13. Báo cáo về hoạt động tổ chức giao dịch tài sản mã hóa

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi quyết định lựa chọn tài sản mã hóa hoặc loại bỏ tài sản mã hóa được đưa vào giao dịch trên hệ thống giao dịch, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải báo cáo Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước), Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Chậm nhất vào 15 giờ 00 của ngày giao dịch, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo về hoạt động giao dịch tài sản mã hóa của ngày trước đó theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Chậm nhất vào ngày 10 hàng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa gửi báo cáo về tình hình thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này của Thông tư này về UBCKNN, đồng thời báo cáo Bộ Công An và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo về giao dịch có dấu hiệu vi phạm về giao dịch tài sản mã hóa theo quy trình giám sát giao dịch của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự cố ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của hệ thống cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi báo cáo về UBCKNN.

Điều 14. Báo cáo về hoạt động lưu ký tài sản mã hóa

1. Định kỳ vào thứ 2 hàng tuần, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo dư liệu về lưu ký tài sản mã hóa của tuần trước đó theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Tối thiểu 03 ngày trước ngày thay đổi về vận hành ảnh hưởng đến việc tách biệt tài sản theo quy trình lưu ký và quản lý tài sản khách hàng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải báo cáo về UBCKNN theo Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp sử dụng dịch vụ lưu ký tài sản từ bên thứ ba, tối thiểu 07 ngày trước ngày tiếp nhận dịch vụ từ nhà cung cấp mới (hoặc nhà cung cấp thay thế), tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo theo Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Định kỳ vào ngày 31/7 và 31/01 hàng năm, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN Báo cáo 6 tháng về tài sản của khách hàng (của kỳ báo cáo 01/01 – 30/6 và kỳ báo cáo 01/7 – 31/12) đã được kiểm toán theo Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Báo cáo về hoạt động tự doanh tài sản mã hóa

Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo về tình hình tự doanh của tổ chức chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa của tháng trước đó theo Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Báo cáo về hoạt động cung cấp nền tảng phát hành tài sản mã hóa

1. Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa gửi UBCKNN báo cáo về thông tin các đợt phát hành tài sản mã hóa của tháng trước đó theo Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này về UBCKNN, đồng thời báo cáo Bộ Công An và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa gửi UBCKNN báo cáo về tình hình niêm yết các tài sản mã hóa được phát hành tại thị trường Việt Nam theo Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. Các nghĩa vụ báo cáo khác của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu của Khung báo cáo tài sản mã hóa của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế theo hướng dẫn của Cục Thuế - Bộ Tài chính.

2. Chậm nhất vào ngày 31/3, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa phải gửi UBCKNN báo cáo đánh giá tuân thủ về việc tuân thủ luật pháp, quy định của công ty trong năm trước đó theo Phụ lục số XIV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 18. Báo cáo của tổ chức, cá nhân khác

1. Tối thiểu 03 ngày trước ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, tổ chức, cá nhân sở hữu từ 1% trở lên vốn điều lệ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa gửi tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa báo cáo về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

2. Tối thiểu 03 ngày trước ngày thực hiện giao dịch tài sản mã hóa đang được lưu ký tại tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, thành viên hội đồng quản trị/thành viên hội đồng thành viên, tổng giám đốc, giám đốc công nghệ của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và người có liên quan của họ theo quy định tại Luật doanh nghiệp phải báo cáo tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa về việc giao dịch tài sản mã hóa.

3. Tối thiểu 07 ngày trước ngày mua lại tài sản mã hóa đã được phát hành, tổ chức phát hành tài sản mã hóa phải báo cáo tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa nơi tài sản mã hóa được lưu ký về việc mua lại tài sản mã hóa.

4. Chậm nhất vào ngày 10 tháng đầu tiên hàng quý, ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng phải gửi UBCKNN báo cáo bằng văn bản về tổng hợp tình hình thu, chi trên tài khoản chuyên dùng để thực hiện giao dịch mua, bán tài sản mã hóa của nhà đầu tư nước ngoài của quý liền kề trước đó theo Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Phòng, chống rửa tiền, Cục Quản lý ngoại hối).

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ...../...../2026 (tối thiểu 45 ngày kể từ ngày ký ban hành).

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư này.

3. Các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa và các đối tượng khác có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thuế tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Cở sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK (.....b).

Nguyễn Đức Chi

PHỤ LỤC I
MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TÀI SẢN MÃ HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/BTC-UBCK ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Số:.../…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Kết quả đợt chào bán tài sản mã hóa

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành *(đầy đủ):*
2. Tên viết tắt:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Số điện thoại:.....Số fax: ..... Website:.....
5. Vốn điều lệ:…… ..... đồng.
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp... do Sở Kế hoạch và Đầu tư... cấp lần đầu ngày..., cấp thay đổi lần thứ... ngày... *(nêu thông tin thay đổi lần gần nhất)*
7. Giấy phép thành lập và hoạt động *(nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):*

II. Phương án chào bán

1. Tên tài sản mã hóa:
2. Phương thức phát hành:
3. Tổ chức cung cấp nền tảng phát hành:
4. Smart Contract Address:

5. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: Từ ngày.../.../... đến ngày.../.
6. Ngày kết thúc đợt chào bán:
7. Ngày dự kiến chuyển giao tài sản mã hóa:
8. Số lượng tài sản mã hóa chào bán:

III. Kết quả chào bán

1. Kết quả huy động vốn

- Tổng số tiền huy động: ..... đồng
- Tổng số lượng tài sản mã hóa đã bán: .....
- Giá bán:…../TSMH
- Số lượng nhà đầu tư mua thành công: .....

2. Phân bổ tài sản mã hóa

T	**Đối tượng**	**Số lượng nhà đầu tư**	**Số lượng TSMH**	**Tỷ lệ (%)**
	Nhà đầu tư tổ chức			
	Nhà đầu tư cá nhân			
	Tổng			

3. Chi phí phát hành:

- Phí phát triển sản phẩm và marketing:
- Phí vận hành:
- Chi phí tuân thủ pháp lý:
- Chi phí khác

Tổng chi phí của đợt chào bán là:…. đồng

4. Thông tin lưu hành

- Số lượng tài sản mã hóa tự do chuyển nhượng:
- Số lượng tài sản mã hóa bị hạn chế chuyển nhượng:….

5. Thông tin về đơn vị kiểm toán (nếu có):…..

6. Kế hoạch sau phát hành

TT	**Thời gian**	**Mục tiêu**	**Ghi chú**

7. Tuân thủ pháp lý

- Khu vực pháp lý: .....
- KYC/AML có thực hiện: .....
- Số nhà đầu tư hợp lệ: .....

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC II
MẪU DANH SÁCH CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC
(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN LÀ TỔ CHỨC
(tại thời điểm ngày 01/…/….)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

TT	**Tên tổ chức**	**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương**			**Ngành nghề kinh doanh**	**Tỷ lệ sở hữu tại thời điểm 01/…/….**	**Tăng/giảm trong tháng**
		Mã số	Ngày cấp	Nơi cấp			
1							
2							

....., ngày... tháng... năm 20...
(TÊN TỔ CHỨC DỊCH VỤ TSMH)
(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHÂN SỰ
(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA

Số:.../…

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHÂN SỰ
Tại thời điểm 31/12/……

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số hộ chiếu	Chứng chỉ hành nghề chứng khoán			Ngày chính thức làm việc tại Công ty	Ngày chấm dứt lao động tại Công ty
						Loại chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp		

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)
(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IV
MẪU BÁO CÁO NGÀY VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số……/2026/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO NGÀY VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH
Ngày …./…../…..
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình giao dịch tài sản mã hóa niêm yết

TT	Mã TSMH	Tổng số lệnh								Giá					Tổng KL GD	Tổng GT GD	Tổng giá trị sổ lệnh trong khoảng -2% đến 2%[1]
		Đặt mua	Đặt bán	LO[2]	MK[3]	Khớp	Huỷ	Chờ mua	Chờ bán	BQGQ khớp lệnh	Đầu ngày	Cuối ngày	Cao nhất	Thấp nhất			
1	ABC																
2	…																
	…																

II. Tình hình giao dịch thỏa thuận

TT	Mã tài sản mã hóa	Tổng khối lượng giao dịch	Tổng giá trị giao dịch	Giá bình quân gia quyền	Giá cao nhất trong kỳ	Giá thấp nhất trong kỳ

[1] Tổng giá trị (VND) các lệnh chờ mua và chờ bán ở vùng giá từ giá tham chiếu đến +2% và -2%.
[2] Lệnh giới hạn
[3] Lệnh thị trường

1	**ABC**					
2	**…**					

III. Tình hình giao dịch theo cơ cấu nhà đầu tư

Nội dung		**Nhà đầu tư trong nước**		**Nhà đầu tư nước ngoài**	
Mã TSMH	**Số liệu**	**Cá nhân**	**Tổ chức**	**Cá nhân**	**Tổ chức**
ABC	Tổng khối lượng mua				
	Tổng giá trị mua (VNĐ)				
	Tổng khối lượng bán				
	Tổng giá trị bán (VNĐ)				
...	Tổng khối lượng mua				
	Tổng giá trị mua (VNĐ)				
	Tổng khối lượng bán				
	Tổng giá trị bán (VNĐ)				

III. Tình hình giao dịch theo ngưỡng giao dịch

Ngưỡng giao dịch	**Số lượng giao dịch**	**Tổng giá trị (USD)**	**% Tổng số giao dịch**
Dưới 1.000 USD			%
Từ 1.000 – 5.000 USD			%
Từ 5.000 – 10.000 USD			%

Trên 10.000 USD			%
TỔNG			**100%**

Tài liệu gửi kèm: Dữ liệu chi tiết giao dịch của …… (tên tổ chức cung cấp dịch vụ TSMH)

....., ngày... tháng... năm 20...
(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)
(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC V
BÁO CÁO THÁNG VỀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH TÀI SẢN MÃ HÓA
(Ban hành kèm theo Thông tư số……/2026/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

Kính gửi:
- **Bộ Tài chính**
- **Bộ Công an**
- **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

…(1)… báo cáo về tình hình giao dịch tài sản mã hoá trong tháng …(2).../…(3)… như sau:

I. Báo cáo tổng quan

Bảng 1: Báo cáo tổng quan về thị trường niêm yết trong tháng

Tổng số TSMH niêm yết mới	Tổng số TSMH huỷ niêm yết	Tổng số lệnh mua	Tổng số lệnh bán	Tổng số lệnh sửa	Tổng số lệnh huỷ	Tổng số lệnh khớp	Tổng giá trị đặt lệnh khớp lệnh (VNĐ)

Bảng 2: Báo cáo tổng quan về tình hình giao dịch thoả thuận trong tháng

Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Tổng số giao dịch ghi nhận	Tổng số TSMH niêm yết có giao dịch	Tổng số TSMH chưa niêm yết có giao dịch

Bảng 3: Báo cáo tổng quan về tình hình nhà đầu tư trong tháng .../....

Nội dung	Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài	
	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức
Tổng số TK cuối tháng				
Tổng số TK mở mới				
Tổng số TK đóng				
Tổng giá trị mua (VNĐ)				
Tổng giá trị bán (VNĐ)				
Tổng số tiền nạp (VNĐ)				

Tổng số tiền rút (VNĐ)				

II. Báo cáo chi tiết

Bảng 4: Chi tiết theo TSMH niêm yết

TT	Mã TSMH	Tên đầy đủ	Tổng số lệnh đặt mua	Tổng số lệnh đặt bán	Tổng GTGD	Số lệnh đặt	Số lệnh khớp	Số TK giao dịch	Giá cao nhất	Giá thấp nhất	Biến động giá (%)	Giá trị giao dịch TB ngày	Số ngày có GD
1	ABC												
2	…												

Bảng 5: Chi tiết theo TSMH giao dịch thoả thuận

TT	Mã tài sản mã hóa	Tổng khối lượng giao dịch	Tổng giá trị giao dịch	Giá bình quân gia quyền	Giá cao nhất trong kỳ	Giá thấp nhất trong kỳ
1	ABC					
2	…					

Bảng 6: Cơ cấu giao dịch theo quy mô lệnh trong tháng

Nhóm quy mô	Số lệnh	% số lệnh	GTGD	% GTGD
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Dưới 1 triệu VNĐ				
Từ 1 – 10 triệu VNĐ				
Từ 10 – 100 triệu VNĐ				
Từ 100 triệu – 1 tỷ VNĐ				
Trên > 1 tỷ VNĐ				
Tổng		**100,0%**		**100,0%**

Đầu mối liên hệ trao đổi thông tin của …….. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ): (Họ và tên; Chức vụ; Số điện thoại; Địa chỉ email)

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VI
MẪU BÁO CÁO VỀ GIAO DỊCH NGHI VẤN
(Ban hành kèm theo Công văn số……/BTC-UBCK ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../…

..., ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO THÁNG VỀ GIAO DỊCH CÓ DẤU HIỆU VI PHẠM
Ngày …./…../…..
Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Các vụ việc phát sinh trong tháng

T	Mã vi phạm[4]	Mô tả dấu hiệu vi phạm	Số lượng tổ chức/cá nhân liên quan	Mã TSMH	Khoảng thời gian thực hiện (từ ngày – ngày)	Tổng khối lượng TSMH liên quan	Tổng giá trị giao dịch liên quan	Ngày bắt đầu xử lý	Tình trạng xử lý

2. Các vụ việc đã hoàn thành xử lý trong tháng

[4] Do tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hoá tự xác định

T	Mã vi phạm	Ngày hoàn thành xử lý	Số lượng tổ chức/cá nhân bị xử lý	Mô tả hình thức xử lý

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VII
MẪU BÁO CÁO DỮ LIỆU VỀ VÍ TÀI SẢN MÃ HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/2026/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.../…

..., ngày... tháng... năm 20...

BÁO CÁO DỮ LIỆU TUẦN VỀ LƯU KÝ TÀI SẢN MÃ HÓA

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tổng hợp tài sản mã hóa đang lưu ký của khách hàng

TT	Mã TSMH	Khối lượng cá nhân trong nước nắm giữ		Khối lượng cá nhân nước ngoài nắm giữ		Khối lượng tổ chức trong nước nắm giữ		Khối lượng tổ chức nước ngoài nắm giữ	
		Ví nóng	Ví lạnh	Ví nóng	Ví lạnh	Ví nóng	Ví lạnh	Ví nóng	Ví lạnh
	ABC								

2. Tổng hợp tài sản mã hóa đang lưu ký của tổ chức

TT	Mã TSMH	Khối lượng hoạt động tự doanh		Khối lượng hoạt động khác	
		Ví nóng	Ví lạnh	Ví nóng	Ví lạnh
	ABC				
	…				

3. Tình hình quản lý ví lưu ký

Mã TSMH	Mạng lưới (Network)	Địa chỉ ví (address)	Loại ví (nóng/lạnh)
ABC			
...			

4. Bằng chứng dự phòng (proof of reserves) tại 23 giờ 00 phút ngày .../…/… (nếu có)

Mã TSMH	Số khối (block) tại thời điểm ghi nhận	Tỷ lệ dự phòng thực tế (%)	Khối lượng của khách hàng	Số dư của Tổ chức cung cấp dịch vụ TSMH	Tỷ lệ được bảo hiểm (nếu có) (%)
BC					
..					

5. Tình hình chuyển tài sản mã hoá với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa trong nước khác

Tổ chức cung cấp dịch vụ	TSMH	Tổng khối lượng chuyển đi	Tổng khối lượng nhận về
	ABC		
	...		

6. Tình hình nạp/rút tài sản

TT	Tên tài sản mã hóa	Nạp tài sản			Rút tài sản		
		Số giao dịch nạp thành công	Số giao dịch nạp thất bại	Số giao dịch nạp đang chờ xác nhận	Số giao dịch rút thành công	Số giao dịch rút thất bại	Số giao dịch rút đang xử lý
.	Tài sản mã hóa đã niêm yết						
I	Tài sản mã hóa chưa niêm yết						
II	Tiền						

7. Tình hình nạp/rút tài sản mã hoá theo cơ cấu nhà đầu tư

Nội dung		Nhà đầu tư trong nước		Nhà đầu tư nước ngoài	
Mã TSMH	Số liệu	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức
ABC	Tổng khối lượng nạp				
	Tổng khối lượng rút				
…	Tổng khối lượng nạp				
	Tổng khối lượng rút				

8. Danh mục TSMH niêm yết trên sàn

TT	Tên đầy đủ TSMH	TSMH gốc	Mã TSMH	Mạng lưới (network)	Địa chỉ TSMH (address)
		BTC	wBTC		
		BTC	BTC		
		BTC	lovBTC		
		…	…		

9. Danh mục TSMH chưa niêm yết

TT	Tên đầy đủ TSMH	Mạng lưới (network)	Địa chỉ TSMH (address)
1			
2			

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VIII
MẪU BÁO CÁO THAY ĐỔI VẬN HÀNH QUẢN LÝ TÀI SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO THAY ĐỔI VẬN HÀNH QUẢN LÝ TÀI SẢN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

…. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ) báo cáo về việc thay đổi vận hành quản lý tài sản tại Công ty như sau:

1. Mô tả quy trình lưu ký và quản lý tài sản khách hàng trước khi thay đổi
(quy trình đính kèm)

2. Mô tả các nội dung thay đổi

3. Đánh giá tác động thay đổi

....., ngày... tháng... năm 20...
(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)
(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IX
MẪU BÁO CÁO THAY ĐỔI SỬ DỤNG DỊCH VỤ LƯU KÝ BÊN THỨ BA

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO THAY ĐỔI SỬ DỤNG GIẢI PHÁP LƯU KÝ BÊN THỨ BA

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

…. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ) báo cáo về việc thay đổi sử dụng giải pháp lưu ký bên thứ ba như sau:

1. Thông tin về tổ chức cung cấp dịch vụ lưu ký tài sản mã hóa (tên công ty, mã số đăng ký doanh nghiệp, giấy phép hoạt đông…)

2. Mô tả việc sử dụng dịch vụ lưu ký tài sản của bên thứ ba

3. Đánh giá tác động thay đổi

....., ngày... tháng... năm 20...
(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)
(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC X
MẪU BÁO CÁO TÀI SẢN KHÁCH HÀNG 6 THÁNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO TÀI SẢN KHÁCH HÀNG 6 THÁNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

…. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ) báo cáo về việc tài sản khách hàng giai đoạn 6 tháng như sau:

I. Thông tin về tài sản khách hàng

1. Tổng hợp Thông tin về tài sản của khách hàng

STT	Loại tài sản	Số lượng đầu kỳ	Số lượng cuối kỳ	Giá trị đầu kỳ (đồng)	Giá trị cuối kỳ (đồng)	Ghi chú
1	**Tiền mặt**	**N/A**				
2	**Tài sản A**					

3	**Tài sản B**					
…						
Tổng giá trị						

2. Tổng hợp ví lưu ký tài sản mã hóa vào cuối kỳ

STT	**Địa chỉ ví**	**Blockchain**	**Mã TSMH**	**Số dư TSMH**	**Loại ví (hot/cold)**
1					
2					
3					

II. Bằng chứng dự trữ

III. Ý kiến kiểm toán *(chấp nhận, ngoại trừ, không chấp nhận) (nếu có).*

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY KIỂM TOÁN
(nếu có)

....., ngày... tháng... năm 20...
(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)
(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XI
MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

…. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ) báo cáo về tình hình hoạt động tự doanh trong tháng … của Công ty như sau:

1.Báo cáo tổng quan

STT	Nội dung	GTGD	Đơn vị	%Giá trị tài khoản tự doanh cuối kỳ
1	**Tổng giá trị ròng giao dịch tự doanh**		**Vnđ**	
2	**Số lệnh tự doanh đã đặt**		**Lệnh**	
3	**Số lệnh tự doanh khớp**		**Lệnh**	
4	**Số lệnh tự doanh huỷ**		**Lệnh**	
5	**Số lệnh tự doanh sửa**		**Lệnh**	
6	**Số ngày có phát sinh tự doanh**		**Ngày**	

2.Báo cáo theo mã tài sản mã hoá

STT	Mã tài sản mã hóa	Tổng số lượng mua	Tổng giá trị mua *(đồng)*	Tổng số lượng bán	Tổng giá trị bán *(đồng)*	Số lượng cuối kỳ
1						
2						

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XII

MẪU BÁO CÁO THÔNG TIN CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO THÔNG TIN CÁC ĐỢT PHÁT HÀNH TÀI SẢN MÃ HÓA

Kính gửi:

- Bộ Tài chính
- Bộ Công an
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

…. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ TSMH) báo cáo về tình hình phát hành tài sản mã hoá tại nền tảng phát hành của Công ty trong tháng ……/…… như sau:

STT	Mã tài sản mã hóa	Tên tổ chức phát hành	Số lượng dự kiến bán	Ngày kết thúc chào bán	Số lượng đã bán	Số tiền thu được	Tài sản cơ sở	Ghi chú
1	**TSMH A**	**...**						
2	**TSMH B**							
..								
…								

Đầu mối liên hệ trao đổi thông tin của …….. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ): (Họ và tên; Chức vụ; Số điện thoại; Địa chỉ email)

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)

(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XIII

MẪU BÁO CÁO BÁO CÁO TÌNH HÌNH NIÊM YẾT CÁC TÀI SẢN MÃ HÓA ĐÃ ĐƯỢC CHÀO BÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NIÊM YẾT CÁC TÀI SẢN MÃ HÓA ĐÃ ĐƯỢC CHÀO BÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

…. (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ TSMH) báo cáo về tình hình phát hành tài sản mã hoá tại nền tảng phát hành của Công ty trong tháng ……/…… như sau:

STT	Mã tài sản mã hóa	Tên tổ chức phát hành	Ngày niêm yết	Số lượng tài sản mã hóa đăng ký niêm yết đầu kỳ	Số lượng tài sản mã hóa niêm yết bổ sung trong kỳ (nếu có)	Số lượng tài sản mã hóa bị hủy niêm yết	Số lượng tài sản mã hóa niêm yết cuối kỳ	Tên tổ chức cung cấp nền tảng phát hành
1	TSMH A	...						
2	TSMH B							

....., ngày... tháng... năm 20...

(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TSMH)
(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XIV
MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ

(Ban hành kèm theo Thông tư số……/TT-BTC ngày…..
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI SẢN MÃ HÓA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../…	*..., ngày... tháng... năm 20...*

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TUÂN THỦ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

……(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ TSMH) báo cáo đánh giá tuân thủ của Công ty trong năm … như sau:

1. Nội dung đánh giá về tình hình duy trì điều kiện cấp phép: đánh giá về việc duy trì điều kiện cấp giấy phép.

2. Nội dung đánh giá về bảo vệ tài sản khách hàng: đánh giá việc tách biệt tài sản khách hàng, việc sử dụng tài sản khách hàng cho mục đích khác, việc tuân thủ đối chiếu tài sản hàng ngày…

3. Nội dung đánh giá giám sát giao dịch: đánh giá việc tuân thủ quy trình phát hiện các giao dịch nghi vấn

4. Nội dung đánh giá phòng chống rửa tiền: đánh giá việc thực hiện các nghĩa vụ, quy định về phòng chống rửa tiền.

5. Nội dung đánh giá về bảo mật và an ninh hệ thống: đánh giá thực trạng, mức độ thực hiện công tác bảo mật, an ninh hệ thống

6. Nội dung về vi pham, sai sót và phương án khắc phục: *Liệt kê các danh sách vi phạm (theo các Quy trình và theo quy định pháp luật), đánh giá mức độ nghiêm trọng, nguyên nhân của các sai sót và biện pháp khắc phục.*

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI PHỤ TRÁCH TUÂN THỦ	*....., ngày... tháng... năm 20...* **(TÊN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ)** *(Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*